TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **132** /2019/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 17 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 330 /2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Đức D, sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Đức D. và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Cháu Phạm Thị Ánh T, sinh ngày 16/7/2000 đã trưởng thành không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Giao cháu Phạm Văn T, sinh ngày 10/8/1991 là người khuyết tật vận động (mức độ nặng) cho anh Phạm Đức D. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị T. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản, đất đai, công nợ chung:* Anh Phạm Đức D. và chị Nguyễn Thị T. xác định đã tự thoả thuận giải quyết với nhau xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Anh Phạm Đức D. tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000166, ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho Anh D. số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T. không phải nộp án phí ly hôn, trả lại cho chị T. số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp là 13.162.000 đ (mười ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000394, ngày 22 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường T. (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến